

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 11/LĐTBXH-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 4 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ áp dụng chế độ bảo hiểm xã hội đối với người làm nghề hoặc
công việc

thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng
nhọc, độc hại, nguy hiểm

*Căn cứ Điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26-1-1995 và Điều lệ bảo
hiểm xã hội đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ quân đội và công an nhân dân
ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15-7-1995 của Chính phủ;*

*Căn cứ vào các Quyết định số 1453/LĐTBXH-TT ngày 13-10-1995, số 915/LĐTBXH-TT ngày 30-7-1996,
số 1629/LĐTBXH-TT ngày 26-12-1996, số 1085/LĐTBXH-TT ngày 6-9-1996 và số 44/LĐTBXH-TT ngày
29-1-1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tạm thời Danh mục nghề, công việc đặc
biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;*

*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn áp dụng các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người làm
nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm như sau:*

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Bao gồm những người thực sự làm các nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc,
độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc Danh mục nghề do Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội quy định và thuộc diện thực hiện bảo hiểm xã hội
bắt buộc quy định tại các văn bản sau:

Điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26-1-1995 của
Chính phủ và Thông tư số 06/LĐTBXH-TT ngày 4-4-1995 của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều lệ Bảo hiểm xã hội;

Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ quân đội nhân dân và công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15-7-1995 của Chính phủ và Thông tư số 29/LB-TT ngày 2-11-1995 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quốc phòng - Nội vụ hướng dẫn thực hiện Điều lệ Bảo hiểm xã hội.

II. CÁCH TÍNH THỜI GIAN LÀM NGHỀ HOẶC CÔNG VIỆC

ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ

NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM ĐỂ HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Nguyên tắc tính thời gian.

Căn cứ vào nghề hoặc công việc trong Danh mục ban hành kèm theo các Quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để áp dụng như sau:

a - Người có thời gian làm nghề hoặc công việc xếp loại V, loại VI được tính là thời gian làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

b - Người có thời gian làm nghề hoặc công việc xếp loại IV được tính là thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

2. Cách tính thời gian đối với người đã có quá trình làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

a - Đối với người làm nghề hoặc công việc trước đây (trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành) đã được xếp loại IV, nay theo Danh mục nghề mới xếp cùng loại IV thì thời gian được tính theo loại IV kể từ khi bắt đầu làm nghề hoặc công việc đó.

Thí dụ:

Một người có thời gian làm 1 nghề từ năm 1960 đến nay, trước đây nghề này được xếp loại IV, nay theo Danh mục nghề mới cũng được xếp loại IV thì người này được tính thời gian làm nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm từ năm 1960 đến nay.

b - Đối với người làm nghề hoặc công việc mà trước đây đã được xếp loại V, nay theo Danh mục nghề mới cũng được xếp loại V hoặc xếp loại VI thì thời gian được tính theo loại V hoặc loại VI kể từ khi bắt đầu làm nghề hoặc công việc đó.